



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	250001	1	Dương Mỹ An	Nữ	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.00	8.25	5.50		21.75
2	250002	1	Huỳnh Thị Thúy An	Nữ	18/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.75	8.25		24.25
3	250003	1	Huỳnh Trần Bảo An	Nữ	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	8.50	8.00	7.75		24.25
4	250004	1	Lê Ngọc Thúy An	Nữ	26/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	7.50	7.00		20.75
5	250005	1	Lê Thị Kim An	Nữ	10/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	5.75	4.50		14.00
6	250006	1	Lê Vũ An	Nam	13/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	8.50	7.00	8.50		24.00
7	250007	1	Lý Thùy An	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	6.25	8.75		21.25
8	250008	1	Nguyễn Đào Phước An	Nam	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	8.00	5.75		17.75
9	250009	1	Nguyễn Ngọc Khánh An	Nữ	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.00	9.00	6.25		20.25
10	250010	1	Nguyễn Ngọc Thúy An	Nữ	24/05/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	5.00	7.25	5.50		17.75
11	250011	1	Nguyễn Viết Thanh An	Nữ	20/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	5.50	7.25	5.00		17.75
12	250012	1	Trần Bình An	Nam	03/01/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.00	8.50	7.25		23.75
13	250013	1	Trần Lê Phúc An	Nữ	15/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	9.00	10.00		28.50
14	250014	1	Trần Thanh Bình An	Nữ	08/08/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.75	8.50	10.00		27.25
15	250015	1	Bùi Trâm Anh	Nữ	09/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.75	7.50		22.75
16	250016	1	Diệp Văn Anh	Nữ	01/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	8.25		25.50
17	250017	1	Dương Quỳnh Anh	Nữ	16/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.00	7.00		21.25
18	250018	1	Đào Quỳnh Anh	Nữ	17/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	9.25	7.00		23.25
19	250019	1	Hồ Ngọc Quỳnh Anh	Nữ	10/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	9.00	10.00		28.00
20	250020	1	Lê Nguyễn Bảo Anh	Nữ	26/08/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.50	7.50		23.00
21	250021	1	Lê Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	25/10/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.25	7.75	6.75		23.75
22	250022	1	Lê Quốc Anh	Nam	16/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.50	7.75	7.50		21.75
23	250023	1	Lê Tuấn Anh	Nam	24/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	7.75	8.75		24.75
24	250024	1	Lữ Nguyễn Lan Anh	Nữ	05/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.75	9.00		25.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027

Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
25	250025	2	Lương Phạm Trâm Anh	Nữ	27/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	9.00	10.00		27.25
26	250026	2	Ngô Cao Kim Anh	Nữ	23/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	9.50	6.00		23.75
27	250027	2	Nguyễn Chúc Đoàn Anh	Nữ	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.25	9.00		28.00
28	250028	2	Nguyễn Hoàng Kỳ Anh	Nữ	20/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.00	8.25	3.25		14.50
29	250029	2	Nguyễn Hoàng Kỳ Anh	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	9.25	8.00		22.00
30	250030	2	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	19/08/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	8.50	9.25	9.00		26.75
31	250031	2	Nguyễn Ngọc Quế Anh	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	7.25	5.50		18.00
32	250032	2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Nữ	04/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	9.25	9.75		28.00
33	250033	2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	Nữ	07/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	9.25	8.25		25.75
34	250034	2	Nguyễn Phan Tuấn Anh	Nam	24/03/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.75	6.75	6.75		20.25
35	250035	2	Nguyễn Phương Anh	Nữ	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.25	8.75	7.00		22.00
36	250036	2	Nguyễn Quý Nam Anh	Nữ	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	9.00	10.00		28.00
37	250037	2	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	04/09/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	6.00	7.25	7.50		20.75
38	250038	2	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	9.00	9.00		25.50
39	250039	2	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	24/12/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	6.75	6.25	7.75		20.75
40	250040	2	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	27/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.75	6.25		22.75
41	250041	2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.75	9.50		27.00
42	250042	2	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	24/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.75	8.25		24.75
43	250043	2	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	16/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	8.50	10.00		26.25
44	250044	2	Nguyễn Trần Văn Anh	Nữ	01/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.25	7.00	4.25		14.50
45	250045	2	Nguyễn Việt Anh	Nam	25/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	5.75	6.00	6.25		18.00
46	250046	2	Phạm Hữu Hoàng Anh	Nam	12/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	8.75	7.00		23.75
47	250047	2	Phạm Minh Anh	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	10.00	9.25	10.00		29.25
48	250048	2	Phạm Nguyễn Phương Anh	Nữ	11/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.75	9.25		26.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027

Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
49	250049	3	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.75	8.75	6.75		24.25
50	250050	3	Phan Đức Anh	Nam	22/07/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.25	7.25	6.25		21.75
51	250051	3	Phan Quỳnh Anh	Nữ	18/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	9.00	8.50		26.50
52	250052	3	Phan Trọng Anh	Nam	24/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.50	8.00	7.75		23.25
53	250053	3	Phùng Huỳnh Hải Anh	Nữ	09/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.00	8.50		25.50
54	250054	3	Tô Thị Tú Anh	Nữ	29/04/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	7.25		25.00
55	250055	3	Trần Hữu Tuấn Anh	Nam	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.75	0.75	1.25		5.75
56	250056	3	Trần Ngọc Lan Anh	Nữ	04/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.75	8.00	1.0	26.50
57	250057	3	Trần Quỳnh Anh	Nữ	31/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.50	8.75	7.25		24.50
58	250058	3	Trần Tuấn Anh	Nam	07/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.50	6.75	6.50		18.75
59	250059	3	Trần Thị Lan Anh	Nữ	17/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	6.00	7.25		20.25
60	250060	3	Trần Thị Lan Anh	Nữ	06/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.50	6.00		23.25
61	250061	3	Trương Hoàng Anh	Nam	20/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.25	9.00		24.75
62	250062	3	Trương Lan Anh	Nữ	01/10/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.00	8.00	7.75		23.75
63	250063	3	Võ Hà Văn Anh	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.25	7.25		22.25
64	250064	3	Vũ Quang Đông Anh	Nam	21/02/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	6.75	7.00	5.25		19.00
65	250065	3	Vũ Tuấn Anh	Nam	16/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.75	8.00	8.75		25.50
66	250066	3	Hoàng Thị Ánh	Nữ	26/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.00	6.50	8.00		20.50
67	250067	3	Huỳnh Ngọc Ánh	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	8.75	2.50		16.00
68	250068	3	Lý Thị Minh Ánh	Nữ	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.75	8.25	9.75		25.75
69	250069	3	Đoàn Gia Ân	Nam	09/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.25	8.25		24.50
70	250070	3	Lại Hoàng Thiên Ân	Nam	24/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	8.75	6.00		18.75
71	250071	3	Lê Việt Ân	Nam	28/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.25	8.25	10.00		27.50
72	250072	3	Nguyễn Hoàng Ân	Nam	03/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.00	8.00	4.50		15.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
73	250073	4	Nguyễn Lê Hoàng Ân	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.25	8.75	5.75		21.75
74	250074	4	Mã Hoàng Bách	Nam	22/05/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	7.00	7.25	5.75		20.00
75	250075	4	Nguyễn Hoàng Bách	Nam	05/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	6.25	8.00		22.25
76	250076	4	Dương Gia Bảo	Nam	27/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	6.50	9.00	5.25		20.75
77	250077	4	Đặng Quang Đức Bảo	Nam	08/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	6.75	7.00		19.75
78	250078	4	Hoàng Lê Duy Bảo	Nam	10/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	10.00	9.50	10.00		29.50
79	250079	4	Huỳnh Gia Bảo	Nam	02/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.25	10.00		29.00
80	250080	4	Lý Gia Bảo	Nam	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.00	8.75	8.75		25.50
81	250081	4	Nguyễn Gia Bảo	Nam	21/03/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.25	9.00	7.25		22.50
82	250082	4	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.25	6.75		19.50
83	250083	4	Nguyễn Hoàng Ngọc Bảo	Nam	21/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.75	9.25		27.00
84	250084	4	Nguyễn Lê Gia Bảo	Nam	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	4.75	6.75	3.50		15.00
85	250085	4	Nguyễn Văn Gia Bảo	Nam	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	7.75	6.25		20.25
86	250086	4	Phạm Gia Bảo	Nam	16/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.00	9.75	1.0	25.00
87	250087	4	Phan Gia Bảo	Nam	12/10/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.00	6.25	5.00		17.25
88	250088	4	Phan Hoài Bảo	Nam	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	9.00	8.75	8.50		26.25
89	250089	4	Trần Gia Bảo	Nam	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	8.00	7.00		22.50
90	250090	4	Trần Huỳnh Quốc Bảo	Nam	22/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.75	7.50	7.25		23.50
91	250091	4	Võ Gia Bảo	Nam	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	9.00	7.75		25.00
92	250092	4	Đoàn Sao Băng	Nữ	16/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.75	8.50	6.50		24.75
93	250093	4	Nguyễn Khánh Băng	Nữ	04/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.00	8.25		26.00
94	250094	4	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	Nữ	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.25	8.25		22.75
95	250095	4	Hoa Hải Băng	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.75	8.50	8.00		26.25
96	250096	4	Dương Mỹ Bình	Nữ	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	3.75	8.00	3.75		15.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
97	250097	5	Ngô Huỳnh Ngọc Bình	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.50	8.50	9.25		27.25
98	250098	5	Hồ Thiên Kim Bội	Nữ	07/06/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	9.25	9.00	10.00		28.25
99	250099	5	Trần Triết Cần	Nữ	28/12/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.25	8.00	6.25		22.50
100	250100	5	Huỳnh Chí Công	Nam	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	6.00	8.00	5.50		19.50
101	250101	5	Mai Thành Công	Nam	08/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.50	8.75	6.75		23.00
102	250102	5	Phan Thu Cúc	Nữ	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.00	6.00		21.00
103	250103	5	Trần Nhật Cường	Nam	01/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.00	8.25		23.75
104	250104	5	Bùi Thị Bảo Châu	Nữ	14/05/2011	Mường	Trường THCS Tân Đức	9.25	8.25	9.25	1.0	27.75
105	250105	5	Nguyễn Lưu Bảo Châu	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	6.25	2.25		12.00
106	250106	5	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	9.00	7.75		22.75
107	250107	5	Nguyễn Ngọc Trân Châu	Nữ	02/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.50	5.00		19.25
108	250108	5	Trần Võ Bảo Châu	Nữ	09/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám					
109	250109	5	Trần Huệ Chi	Nữ	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	9.50	7.25		23.25
110	250110	5	Trần Quang Chiến	Nam	24/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.50	9.00	9.25		24.75
111	250111	5	Nguyễn Thành Danh	Nam	19/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.50	8.50		24.75
112	250112	5	Nguyễn Thế Danh	Nam	14/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.50	6.75		23.75
113	250113	5	Nguyễn Trần Thành Danh	Nam	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	9.00	5.50		21.50
114	250114	5	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thám	8.25	7.50	8.25		24.00
115	250115	5	Bùi Ngọc Diệp	Nữ	06/02/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.75	8.75	8.75		27.25
116	250116	5	Lê Tú Diệp	Nữ	29/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	8.50	8.25		23.75
117	250117	5	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	21/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.25	8.00	2.25		14.50
118	250118	5	Phạm Hồ Ngọc Diệu	Nữ	10/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.25	8.25	7.00		23.50
119	250119	5	Nguyễn Hà Khánh Du	Nữ	27/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.25	7.00		20.00
120	250120	5	Trần Thị Mỹ Dung	Nữ	21/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.50	8.00	5.75		18.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
121	250121	6	Phạm Trí Dũng	Nam	26/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.00	7.25		24.00
122	250122	6	Bùi Huỳnh Bảo Duy	Nam	09/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.00	7.25	1.0	26.50
123	250123	6	Lê Quốc Duy	Nam	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.75	9.00	8.75		27.50
124	250124	6	Ngô Trường Duy	Nam	30/12/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	6.25	8.25		19.50
125	250125	6	Nguyễn Duy	Nam	27/05/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.75	6.50	8.50		22.75
126	250126	6	Nguyễn Duy	Nam	18/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	9.00	1.0	27.25
127	250127	6	Nguyễn Lê Anh Duy	Nam	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.00	7.00	6.25		17.25
128	250128	6	Nguyễn Nhật Duy	Nam	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.50	6.25	4.50		16.25
129	250129	6	Nguyễn Phương Duy	Nữ	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.25	9.00	8.25		25.50
130	250130	6	Nguyễn Quách Tường Duy	Nữ	16/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	6.75	6.75		18.50
131	250131	6	Nguyễn Tiến Duy	Nam	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.75	8.00		26.00
132	250132	6	Trần Khánh Duy	Nam	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.75	5.75	6.25	0.0	18.75
133	250133	6	Đoàn Thị Mỹ Duyên	Nữ	06/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.50	8.25		23.75
134	250134	6	Ngô Thị Khánh Duyên	Nữ	25/10/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	4.75	7.25	8.00		20.00
135	250135	6	Nguyễn Hà Minh Duyên	Nam	20/09/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	3.25	8.00	7.75		19.00
136	250136	6	Nguyễn Kiều Duyên	Nữ	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Lương Bình	9.00	8.50	8.25		25.75
137	250137	6	Phạm Ngọc Huỳnh Duyên	Nữ	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.75	8.50	10.00		28.25
138	250138	6	Quách Phương Duyên	Nữ	05/05/2011	Hoa	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	8.25	1.0	27.00
139	250139	6	Thị Thùy Duyên	Nữ	16/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.50	8.00		22.75
140	250140	6	Trương Thị Kỳ Duyên	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.50	6.75	7.00		19.25
141	250141	6	Võ Ngọc Mỹ Duyên	Nữ	28/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	7.75	5.50		17.00
142	250142	6	Lê Hoàng Thuỳ Dương	Nữ	24/11/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.25	6.75	5.50		17.50
143	250143	6	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Nữ	02/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.75	8.00	7.50		22.25
144	250144	6	Nguyễn Quốc Dương	Nam	26/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.50	7.50	6.50		18.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
145	250145	7	Nguyễn Tùng Dương	Nam	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.25	8.00		26.25
146	250146	7	Võ Ngọc Thùy Dương	Nữ	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Hậu Nghĩa	4.00	8.00	3.00		15.00
147	250147	7	Đặng Bảo Linh Đan	Nữ	04/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.50	8.25	7.75		22.50
148	250148	7	Phan Nguyễn Linh Đan	Nữ	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.00	8.00	6.75		20.75
149	250149	7	Đỗ Thành Đạt	Nam	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.75	7.25	6.25		21.25
150	250150	7	Huỳnh Tiến Đạt	Nam	20/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.00	8.25		23.25
151	250151	7	Lê Nguyễn Phúc Đạt	Nam	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.00	7.50		23.25
152	250152	7	Lương Thành Đạt	Nam	01/04/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.50	8.75	9.00		24.25
153	250153	7	Nguyễn Minh Đạt	Nam	13/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.50	6.50	8.25		23.25
154	250154	7	Nguyễn Minh Đạt	Nam	26/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.25	6.50	4.25		14.00
155	250155	7	Nguyễn Phát Đạt	Nam	20/11/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.75	8.50	8.25		24.50
156	250156	7	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	29/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.50	8.00	7.75		24.25
157	250157	7	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	12/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	7.25	6.00		20.25
158	250158	7	Nguyễn Thành Đạt	Nam	19/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.75	6.75	7.75		20.25
159	250159	7	Nguyễn Thành Đạt	Nam	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	7.25	6.50	6.00		19.75
160	250160	7	Nguyễn Thành Đạt	Nam	27/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	8.50	9.50		27.50
161	250161	7	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	7.25	7.00		19.25
162	250162	7	Nguyễn Thanh Phong Đạt	Nam	20/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	6.25	1.0	24.50
163	250163	7	Nhan Phát Đạt	Nam	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	6.75	6.50		16.75
164	250164	7	Quảng Chí Đạt	Nam	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	6.75	9.00		22.75
165	250165	7	Trần Nguyễn Minh Đạt	Nam	28/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.25	8.25		26.75
166	250166	7	Trần Tiến Đạt	Nam	16/08/2011	Hoa	Trường THCS Tân Đức	7.50	5.00	7.25	1.0	20.75
167	250167	7	Trương Thành Đạt	Nam	07/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.00	7.75		23.50
168	250168	7	Hoàng Hải Đăng	Nam	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	8.00	7.00	8.25		23.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
169	250169	8	Hồ Hải Đăng	Nam	06/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	8.25	8.50		21.75
170	250170	8	Hồ Võ Khánh Đăng	Nam	08/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.75	8.25	7.75		21.75
171	250171	8	Huỳnh Hữu Đăng	Nam	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	7.75	5.50		20.25
172	250172	8	Ngô Hải Đăng	Nam	13/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	9.00	6.75		22.25
173	250173	8	Nguyễn Huỳnh Đăng	Nam	02/05/2011	Khơ-me	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	8.00	6.00	1.0	22.00
174	250174	8	Nguyễn Minh Đăng	Nam	18/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	7.50	9.00		23.50
175	250175	8	Tạ Bá Hải Đăng	Nam	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	10.00	8.75	8.00		26.75
176	250176	8	Nguyễn Đình Minh Đế	Nam	14/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	6.75	6.25		20.00
177	250177	8	Nguyễn Phúc Điền	Nam	07/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.50	8.25		24.25
178	250178	8	Trương Ngọc Đình Đình	Nữ	24/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.25	9.00	8.00		26.25
179	250179	8	Huỳnh Đông	Nam	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	5.50	6.00		15.25
180	250180	8	Phạm Phương Đông	Nam	06/09/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	9.50	8.00	8.50		26.00
181	250181	8	Nguyễn Khánh Đức	Nam	31/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.00	8.50		25.50
182	250182	8	Trịnh Hoài Đức	Nam	20/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	7.75	9.00		25.00
183	250183	8	Nguyễn Thị Nhung Gấm	Nữ	01/04/2010	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.75	8.75	8.00		24.50
184	250184	8	Nguyễn Huỳnh Hương Giang	Nữ	03/07/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tâm	8.25	9.25	7.25		24.75
185	250185	8	Nguyễn Phan Hà Giang	Nữ	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.00	8.50		25.00
186	250186	8	Trần Ngọc Hương Giang	Nữ	20/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.00	10.00		28.75
187	250187	8	Huỳnh Thị Quỳnh Giao	Nữ	22/05/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.50	9.25		26.50
188	250188	8	Huỳnh Kim Ngọc Giàu	Nữ	25/07/2010	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.25	8.25	6.00		22.50
189	250189	8	Lê Thị Ngọc Hà	Nữ	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	7.00	6.75		19.25
190	250190	8	Lưu Thanh Hà	Nữ	25/01/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.25	8.75	8.25		25.25
191	250191	8	Mai Thị Thanh Hà	Nữ	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	9.00	10.00		27.50
192	250192	8	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hà	Nữ	04/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.75	8.25		21.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
193	250193	9	Nguyễn Mỹ Hà	Nữ	03/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	8.50	8.75		23.25
194	250194	9	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	6.75	6.75		19.00
195	250195	9	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Nữ	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.25	7.25	4.25		14.75
196	250196	9	Trần Đỗ Thu Hà	Nữ	28/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	7.75	8.75		26.00
197	250197	9	Võ Thị Thanh Hà	Nữ	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.25	7.00	9.25		23.50
198	250198	9	Lê Nhật Hạ	Nữ	15/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.75	9.00	9.00		26.75
199	250199	9	Lý Ngọc Hải	Nam	03/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.25	7.25		22.75
200	250200	9	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	08/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.50	8.50		25.75
201	250201	9	Trần Đức Hải	Nam	06/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.25	6.50		23.25
202	250202	9	Lê Thị Hạnh	Nữ	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.75	4.50	6.25		15.50
203	250203	9	Huỳnh Anh Hào	Nam	25/12/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	5.75	8.25	7.75		21.75
204	250204	9	Lê Phú Hào	Nam	16/05/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.50	8.50	7.75		23.75
205	250205	9	Mai Quốc Hào	Nam	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.25	8.00	7.50		20.75
206	250206	9	Ngô Gia Hào	Nam	25/07/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.75	9.00	8.25		23.00
207	250207	9	Phạm Nhật Hào	Nam	21/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.00	9.25		24.25
208	250208	9	Trần Quang Hào	Nam	14/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.75	7.25		22.75
209	250209	9	Trịnh Chí Hào	Nam	13/08/2011	Hoa	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	9.25	8.50	1.0	27.25
210	250210	9	Huỳnh Minh Hạo	Nam	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.00	6.50		22.25
211	250211	9	Lê Nguyên Hạo	Nam	16/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.25	8.00	6.25		19.50
212	250212	9	Đào Ngọc Hân	Nữ	20/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	9.00	7.75		25.00
213	250213	9	Đặng Nguyễn Gia Hân	Nữ	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	9.00	7.50		23.75
214	250214	9	Huỳnh Bảo Hân	Nữ	07/03/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.00	8.50	7.50		24.00
215	250215	9	Hứa Lê Gia Hân	Nữ	01/10/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	5.25	8.50	7.50		21.25
216	250216	9	La Nguyễn Khánh Hân	Nữ	09/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	2.25	7.25	7.50		17.00



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
217	250217	10	Lê Duy Ngọc Hân	Nữ	28/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	10.00	9.25	9.75		29.00
218	250218	10	Lê Ngọc Huỳnh Bảo Hân	Nữ	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.75	9.00	7.50		21.25
219	250219	10	Lương Gia Hân	Nữ	17/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	9.00	8.25		22.50
220	250220	10	Mạc Bảo Hân	Nữ	05/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.25	6.00	5.50		15.75
221	250221	10	Ngô Gia Hân	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.75	8.50		24.75
222	250222	10	Ngô Ngọc Hân	Nữ	07/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	9.00	4.25		19.75
223	250223	10	Nguyễn Huỳnh Gia Hân	Nữ	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.75	4.75	4.50		15.00
224	250224	10	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	5.00	7.75	5.75		18.50
225	250225	10	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	06/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	9.25	7.50		25.25
226	250226	10	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.50	7.00		23.75
227	250227	10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	Nữ	06/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.50	8.50		20.00
228	250228	10	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Nữ	15/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	7.00	4.00		15.50
229	250229	10	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	8.50	7.25		23.75
230	250230	10	Nguyễn Trần Bảo Hân	Nữ	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.50	9.50	7.75		24.75
231	250231	10	Phạm Gia Hân	Nữ	03/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.00	4.25		18.50
232	250232	10	Sấm Gia Hân	Nữ	25/09/2011	Hoa	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	9.00	8.75	8.50	1.0	27.25
233	250233	10	Trần Gia Hân	Nữ	12/02/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.75	8.75	7.50		22.00
234	250234	10	Trần Ngọc Bảo Hân	Nữ	10/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.00	8.00	6.75		20.75
235	250235	10	Trần Nguyễn Gia Hân	Nữ	07/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.75	4.50	3.00		11.25
236	250236	10	Trần Nguyễn Gia Hân	Nữ	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.00	8.00	4.75		16.75
237	250237	10	Triệu Gia Hân	Nữ	03/11/2011	Hoa	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	4.75	6.50	4.75	1.0	17.00
238	250238	10	Võ Hoàng Gia Hân	Nữ	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.25	9.00		24.50
239	250239	10	Trần Minh Hậu	Nam	30/03/2010	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	6.75	9.00	6.75		22.50
240	250240	10	Nguyễn Anh Hiền	Nam	09/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.00	8.25	8.25		24.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
			Nguyễn Ngọc Hiền	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	9.00		22.75
241	250241	11	Nguyễn Ngọc Hiền	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	9.00		22.75
242	250242	11	Võ Thị Thúy Hiền	Nữ	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.75	7.50	7.25		23.50
243	250243	11	Huỳnh Hồ Huy Hiếu	Nam	30/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.42	6.25		17.67
244	250244	11	Huỳnh Trọng Hiếu	Nam	24/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	5.00	6.00		16.00
245	250245	11	Lê Hoàng Hiếu	Nam	13/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.50	9.00	8.75		27.25
246	250246	11	Nguyễn Anh Hiếu	Nam	09/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.75	7.25	8.00		24.00
247	250247	11	Nguyễn Hoàng Hiếu	Nam	21/05/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.25	9.50	9.25		27.00
248	250248	11	Nguyễn Ngọc Hòa Hiếu	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.00	8.00	6.00		20.00
249	250249	11	Phạm Lê Trung Hiếu	Nam	07/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	9.00	8.50		25.75
250	250250	11	Lê Trọng Hoàng	Nam	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.75	7.00		22.00
251	250251	11	Nguyễn Bá Huy Hoàng	Nam	16/03/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.75	8.00	8.75		26.50
252	250252	11	Phạm Nguyễn Khánh Hoàng	Nam	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.00	7.25	6.75		19.00
253	250253	11	Phạm Vũ Hoàng	Nam	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	6.75	9.00		22.25
254	250254	11	Lê Nguyễn Y Học	Nữ	13/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	7.50	8.75		24.00
255	250255	11	Nguyễn Thái Học	Nam	21/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.50	10.00		27.00
256	250256	11	Đoàn Ngọc Ánh Hồng	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	3.75	7.50	6.75		18.00
257	250257	11	Nguyễn Lê Hồng	Nữ	07/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	8.50	7.50		21.00
258	250258	11	Lê Hoàng Huân	Nam	31/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.00	8.00	8.00		25.00
259	250259	11	Ngô Việt Hùng	Nam	10/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	8.75	8.75		25.00
260	250260	11	Cao Minh Huy	Nam	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.00	8.00	6.25		19.25
261	250261	11	Châu Gia Huy	Nam	06/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	6.50	7.25		21.50
262	250262	11	Đoàn Nhật Huy	Nam	31/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	7.83	5.25		16.83
263	250263	11	Hà Nhật Huy	Nam	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.00	7.25		22.00
264	250264	11	Hồ Anh Huy	Nam	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.75	7.25		21.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
265	250265	12	Huỳnh Anh Huy	Nam	26/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	8.25	7.00		22.25
266	250266	12	Huỳnh Gia Huy	Nam	21/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.25	7.50	8.50		23.25
267	250267	12	Huỳnh Gia Huy	Nam	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	9.50	8.75	10.00		28.25
268	250268	12	Huỳnh Hoàng Huy	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	6.50	7.50		18.50
269	250269	12	Huỳnh Quốc Huy	Nam	24/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.50	6.25		24.75
270	250270	12	Lê Đức Minh Huy	Nam	05/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	6.50	6.00		18.25
271	250271	12	Lê Hà Quang Huy	Nam	09/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	7.75	10.00		26.50
272	250272	12	Lý Gia Huy	Nam	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.25	9.00	9.25		27.50
273	250273	12	Nguyễn Gia Huy	Nam	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.00	9.00		26.25
274	250274	12	Nguyễn Gia Huy	Nam	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.50	6.50		22.75
275	250275	12	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	22/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	6.75	5.75		16.50
276	250276	12	Nguyễn Hữu Đình Huy	Nam	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.75	7.25	5.75		19.75
277	250277	12	Nguyễn Tấn Huy	Nam	29/07/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	9.00	8.75	9.25		27.00
278	250278	12	Nguyễn Thành Huy	Nam	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	9.50	9.00		26.50
279	250279	12	Phan Gia Huy	Nam	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.00	8.00	6.75		19.75
280	250280	12	Trần Quốc Huy	Nam	12/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.58	4.75		20.08
281	250281	12	Võ Ngọc Bảo Huy	Nam	07/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	9.00	9.25		26.25
282	250282	12	Huỳnh Quốc Hưng	Nam	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	10.00	9.25	8.50		27.75
283	250283	12	Phan Gia Hưng	Nam	13/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.25	6.42	7.00		21.67
284	250284	12	Hồ Quỳnh Hương	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	8.25	8.25		26.25
285	250285	12	Huỳnh Nguyễn Mai Hương	Nữ	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.75	9.00		24.75
286	250286	12	Lâm Thiên Hương	Nữ	10/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	9.25	7.75		26.50
287	250287	12	Lê Ngọc Diễm Hương	Nữ	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.00	8.25		26.50
288	250288	12	Phạm Thị Kim Hương	Nữ	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.25	4.75		16.00



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
289	250289	13	Phùng Việt Huỳnh Hương	Nữ	06/12/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	7.00	9.25	8.25		24.50
290	250290	13	Trần Huỳnh Hương	Nữ	09/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.75	7.00		22.50
291	250291	13	Phạm Thái Hữu	Nam	23/05/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	5.25	8.25	8.00		21.50
292	250292	13	Đinh Trung Kiên	Nam	27/01/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.25	8.75	8.75		26.75
293	250293	13	Bùi Nguyễn Anh Kiệt	Nam	21/11/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.75	7.50	7.75		23.00
294	250294	13	Hoàng Tuấn Kiệt	Nam	26/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	8.25	5.25		18.75
295	250295	13	Huỳnh Anh Kiệt	Nam	07/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	6.50	7.00		21.25
296	250296	13	Lê Quốc Kiệt	Nam	17/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	8.50	6.25		21.75
297	250297	13	Trần Quốc Kiệt	Nam	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.50	8.00		23.75
298	250298	13	Đặng Hoàng Kim	Nữ	24/01/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thám	4.50	9.00	7.00		20.50
299	250299	13	Huỳnh Ngọc Ân Kim	Nữ	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.50	8.50		27.75
300	250300	13	Nguyễn Hoàn Kim	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.25	4.50	3.00		10.75
301	250301	13	Nguyễn Thiên Kim	Nữ	07/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.75	8.25		23.75
302	250302	13	Hồ Nguyễn Kisty	Nữ	14/06/2011	Kinh	Trường THCS Hậu Nghĩa	4.25	7.75	6.25		18.25
303	250303	13	Bành Lâm Khang	Nam	01/06/2011	Hoa	Trường THCS Tân Đức	5.75	8.00	4.75	1.0	19.50
304	250304	13	Bùi Minh Khang	Nam	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.75	7.00	8.50	1.0	23.25
305	250305	13	Đoàn Quý Khang	Nam	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.75	8.25		24.00
306	250306	13	Hồ Nguyễn Khang	Nam	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	7.00	7.00		20.50
307	250307	13	Huỳnh Tấn Khang	Nam	11/01/2010	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.25	5.50	3.00		11.75
308	250308	13	Lê Minh Khang	Nam	25/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.50	7.50		22.25
309	250309	13	Lê Nguyễn Hoàng Khang	Nam	10/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	7.75	9.50		23.75
310	250310	13	Lê Nguyễn Trọng Khang	Nam	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	9.25		26.50
311	250311	13	Lương Huỳnh Nguyễn Khang	Nam	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.00	8.25		23.00
312	250312	13	Lý Nhất Khang	Nam	19/05/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	5.75	7.00	4.50		17.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
313	250313	14	Nguyễn Duy Khang	Nam	10/03/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.25	9.00	7.00		23.25
314	250314	14	Nguyễn Hữu Khang	Nam	10/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	9.00	8.25		24.25
315	250315	14	Nguyễn Minh Khang	Nam	05/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.50	7.00		18.50
316	250316	14	Nguyễn Ngô Hoàng Khang	Nam	19/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	6.75	7.00		20.00
317	250317	14	Nguyễn Nhật Bảo Khang	Nam	10/11/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thám	7.25	7.75	7.75		22.75
318	250318	14	Nguyễn Phúc Khang	Nam	17/01/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.25	8.50	7.00		22.75
319	250319	14	Nguyễn Trọng Khang	Nam	12/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.00	3.50	5.25		12.75
320	250320	14	Nguyễn Trọng Khang	Nam	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	7.50	4.25		20.00
321	250321	14	Nguyễn Trọng Khang	Nam	11/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.25	6.75		23.75
322	250322	14	Phan Trọng Khang	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.50	8.50		25.25
323	250323	14	Trần Phúc Khang	Nam	10/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	9.25	7.50	5.50		22.25
324	250324	14	Lê Đặng Văn Khanh	Nữ	14/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.25	7.75		26.75
325	250325	14	Trần Tuấn Khanh	Nam	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.25	8.25	10.00		25.50
326	250326	14	Dương Kim Khánh	Nữ	07/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.75	6.00		22.25
327	250327	14	Trần Huy Khánh	Nam	19/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.50	8.50		23.75
328	250328	14	Vũ Nguyễn Văn Khánh	Nữ	24/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	9.00	7.75		25.00
329	250329	14	Bùi Võ Anh Khoa	Nam	27/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	6.50	7.75		18.25
330	250330	14	Đào Tấn Khoa	Nam	07/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	8.75	8.25		21.25
331	250331	14	Huỳnh Hải Đăng Khoa	Nam	25/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.50	9.00		27.25
332	250332	14	Liên Anh Khoa	Nam	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	5.75	6.50		18.50
333	250333	14	Mai Trần Đăng Khoa	Nam	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	9.25	9.00		27.25
334	250334	14	Nguyễn Anh Khoa	Nam	29/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	9.00	8.25		25.25
335	250335	14	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	01/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.25	7.75	7.50		21.50
336	250336	14	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	27/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	6.50	7.25		18.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
337	250337	15	Nguyễn Lê Đăng Khoa	Nam	13/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	7.67	8.25		21.42
338	250338	15	Nguyễn Lê Đăng Khoa	Nam	23/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.00	8.25	0.0	24.25
339	250339	15	Nguyễn Minh Khoa	Nam	04/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.25	8.25		23.25
340	250340	15	Nguyễn Trần Đăng Khoa	Nam	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	2.50	1.50	1.25		5.25
341	250341	15	Nguyễn Trọng Khoa	Nam	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.50	7.00		22.50
342	250342	15	Phạm Anh Khoa	Nam	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.25	9.00		25.75
343	250343	15	Phan Anh Khoa	Nam	18/07/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.25	7.25	9.00		24.50
344	250344	15	Trần Phạm Đăng Khoa	Nam	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	6.50	8.25		22.00
345	250345	15	Dương Nguyễn Đăng Khôi	Nam	26/03/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.50	5.58	8.25		22.33
346	250346	15	Đỗ Đăng Khôi	Nam	15/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.75	9.00		26.50
347	250347	15	Hà Minh Khôi	Nam	14/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	4.50	6.75	6.00		17.25
348	250348	15	Huỳnh Tâm Khôi	Nam	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	7.50	7.75		23.75
349	250349	15	Huỳnh Võ Đăng Khôi	Nam	01/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	5.75	4.75		14.00
350	250350	15	Lê Anh Khôi	Nam	04/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	4.75	5.50		15.50
351	250351	15	Lê Đăng Khôi	Nam	23/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	8.50	6.00		21.00
352	250352	15	Lê Đăng Khôi	Nam	29/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	3.25	7.25	3.75		14.25
353	250353	15	Lê Như Khôi	Nữ	27/04/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	9.75	9.00	8.75		27.50
354	250354	15	Nguyễn Anh Khôi	Nam	22/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.50	8.25	8.25		23.00
355	250355	15	Nguyễn Đình Khôi	Nam	08/11/2010	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	6.25	6.75	5.25		18.25
356	250356	15	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	Nam	09/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	6.25	8.00		22.00
357	250357	15	Nguyễn Minh Khôi	Nam	05/02/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.75	9.00	8.25		26.00
358	250358	15	Nguyễn Minh Khôi	Nam	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	7.75		25.00
359	250359	15	Nguyễn Thanh Tuấn Khôi	Nam	04/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.00	9.00		26.25
360	250360	15	Phạm Minh Khôi	Nam	20/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.50	7.25		18.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
361	250361	16	Trần Đăng Khôi	Nam	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.00	9.00		25.75
362	250362	16	Trần Minh Khôi	Nam	21/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	6.50	5.50		18.75
363	250363	16	Trần Thái Minh Khôi	Nam	03/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	6.75	7.00		18.50
364	250364	16	Đỗ Ngọc Bảo Lam	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.50	9.25	6.50		24.25
365	250365	16	Nguyễn Cao Tường Lam	Nữ	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	6.00	9.25		23.75
366	250366	16	Nguyễn Phương Ngọc Lam	Nữ	30/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.25	8.75		23.25
367	250367	16	Cao Hoàng Lan	Nữ	07/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	8.25	9.25		22.75
368	250368	16	Huỳnh Thị Tuyết Lan	Nữ	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.75	6.75		23.25
369	250369	16	Nguyễn Xuân Lành	Nữ	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.67	4.50		20.17
370	250370	16	Nguyễn Thùy Lâm	Nữ	25/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.42	7.25		22.67
371	250371	16	Trần Tuệ Lâm	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.00	6.25		22.00
372	250372	16	Quách Kiến Lân	Nam	26/12/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.00	4.25	7.50		18.75
373	250373	16	Trần Thị Quỳnh Lê	Nữ	01/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	7.50	9.00	8.25		24.75
374	250374	16	Võ Ngọc Lệ	Nữ	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	8.50	6.25		19.00
375	250375	16	Nguyễn Thị Thuý Liễu	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	7.75	5.00	1.0	18.75
376	250376	16	Bùi Thị Ngọc Linh	Nữ	14/01/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	6.75	7.75	6.50		21.00
377	250377	16	Diệp Gia Linh	Nữ	26/07/2011	Hoa	Trường THCS Tân Đức	6.50	7.25	8.75	1.0	23.50
378	250378	16	Dương Diệu Linh	Nữ	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.75	8.25	6.75		20.75
379	250379	16	Hoàng Ngọc Nhật Linh	Nữ	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	9.00	5.50		21.50
380	250380	16	Hoàng Ngọc Phương Linh	Nữ	25/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	9.00		26.75
381	250381	16	Lại Bảo Linh	Nữ	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	9.00	7.75		23.25
382	250382	16	Lê Anh Ngọc Linh	Nữ	10/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	9.25	8.50		26.25
383	250383	16	Lương Trần Thùy Linh	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	9.00	8.00		26.00
384	250384	16	Lý Phương Linh	Nữ	19/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.00	8.50		24.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
385	250385	17	Nguyễn Hoàng Phương Linh	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.50	4.00		15.50
386	250386	17	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Nữ	10/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	8.50	7.75		22.25
387	250387	17	Nguyễn Phương Linh	Nữ	31/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.50	8.25		22.50
388	250388	17	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	12/12/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	4.00	7.50	5.00		16.50
389	250389	17	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	19/02/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.00	7.50	7.00		21.50
390	250390	17	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	17/09/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.00	8.50	6.25		23.75
391	250391	17	Tô Yến Linh	Nữ	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.25	7.25	7.50		22.00
392	250392	17	Trần Phương Linh	Nữ	23/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.75	8.25		26.25
393	250393	17	Trần Thị Trúc Linh	Nữ	12/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.50	7.75		24.00
394	250394	17	Trương Trần Hiếu Linh	Nữ	12/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.00	6.50	5.75		19.25
395	250395	17	La Huỳnh Trúc Loan	Nữ	30/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.25	8.75	8.00		25.00
396	250396	17	Mai Nhật Long	Nam	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.75	7.75	6.25		19.75
397	250397	17	Ngô Đình Long	Nam	07/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	6.75	8.00		20.00
398	250398	17	Nguyễn Hoàng Long	Nam	02/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.00	7.50	6.75		18.25
399	250399	17	Nguyễn Kim Long	Nam	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.75	5.75		19.25
400	250400	17	Nguyễn Phi Long	Nam	28/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.25	6.50	7.75		22.50
401	250401	17	Nguyễn Thành Long	Nam	14/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	5.75	7.50		20.25
402	250402	17	Nguyễn Thế Long	Nam	13/10/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.75	6.00	6.50		19.25
403	250403	17	Trần Minh Long	Nam	20/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	7.75	7.00	7.75		22.50
404	250404	17	Nguyễn Đắc Lộc	Nam	25/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	6.00	6.25		18.00
405	250405	17	Nguyễn Tài Lộc	Nam	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.00	8.25		24.25
406	250406	17	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	14/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.50	6.50	6.75		16.75
407	250407	17	Trần Xuân Lộc	Nam	04/02/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.25	8.00	8.00		24.25
408	250408	17	Nguyễn Tấn Lợi	Nam	13/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.25	8.50		23.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
409	250409	18	Lê Minh Luân	Nam	14/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.00	8.25		22.50
410	250410	18	Nguyễn Minh Luân	Nam	13/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.25	7.00		21.00
411	250411	18	Lê Tấn Lực	Nam	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	6.75	4.50		16.00
412	250412	18	Huỳnh Thị Cẩm Ly	Nữ	30/01/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.75	9.00	7.50		25.25
413	250413	18	Phan Thị Cẩm Ly	Nữ	04/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.25	9.00	6.50		21.75
414	250414	18	Trần Duyên Trúc Ly	Nữ	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.00	9.00		21.75
415	250415	18	Huỳnh Công Lý	Nam	28/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.25	8.00	7.25		20.50
416	250416	18	Lê Hồng Mai	Nữ	02/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.50	8.75	7.00		21.25
417	250417	18	Lê Phương Mai	Nữ	12/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.00	9.00		24.75
418	250418	18	Nguyễn Hoàng Thanh Mai	Nữ	23/04/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	4.00	7.25	4.00		15.25
419	250419	18	Nguyễn Hồ Ngọc Mai	Nữ	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	8.50	7.25		22.00
420	250420	18	Nguyễn Hồng Mai	Nữ	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.50	8.25	4.25		18.00
421	250421	18	Trần Thị Trúc Mai	Nữ	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	7.75	8.25	7.75		23.75
422	250422	18	Trần Triệu Mẫn	Nữ	12/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	9.25	10.00		26.25
423	250423	18	Nguyễn Thị Trà Mi	Nữ	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	9.00	5.75		23.00
424	250424	18	Đinh Hoàng Bình Minh	Nam	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.00	8.25		19.25
425	250425	18	Đổng Quảng Minh	Nam	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	7.75	7.00		21.75
426	250426	18	Lại Gia Minh	Nam	20/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.00	9.50	1.0	28.25
427	250427	18	Lâm Kim Minh	Nữ	10/06/2011	Khơ-me	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.75	8.25	1.0	25.25
428	250428	18	Lê Hoàng Minh	Nam	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.75	8.50	7.00		21.25
429	250429	18	Lê Thiên Minh	Nam	11/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.75	8.25	10.00		28.00
430	250430	18	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	06/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.25	8.25	9.00		26.50
431	250431	18	Nguyễn Hoàng Nhất Minh	Nam	12/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	9.25	7.75		23.75
432	250432	18	Nguyễn Nhật Minh	Nam	21/06/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	6.00	9.00		24.00



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

SSTT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
433	250433	19	Trần Dương Gia Minh	Nam	16/09/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.25	7.75	8.25		24.25
434	250434	19	Trần Gia Minh	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.00	9.75		27.50
435	250435	19	Trần Ngọc Minh	Nữ	07/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	9.25	10.00		28.75
436	250436	19	Trần Nhật Minh	Nam	05/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	8.50	8.25		25.00
437	250437	19	Trần Phước Minh	Nam	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	7.00	5.50		19.00
438	250438	19	Vũ Tấn Minh	Nam	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.00	9.00		25.75
439	250439	19	Cao Hoàng Diễm My	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	8.00	4.50		18.75
440	250440	19	Đoàn Ngọc My	Nữ	29/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.25	8.50		26.50
441	250441	19	Lê Ngọc Thảo My	Nữ	30/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.25	9.25	5.75		20.25
442	250442	19	Lê Thị Trà My	Nữ	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	7.25	8.75		23.00
443	250443	19	Lê Thị Trà My	Nữ	21/08/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.25	9.00	8.00		21.25
444	250444	19	Nguyễn Hà My	Nữ	02/12/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.50	8.75	8.00		26.25
445	250445	19	Nguyễn Lê Ngọc My	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.25	5.50		16.75
446	250446	19	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.00	7.25	7.00		22.25
447	250447	19	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	25/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.75	8.25		26.00
448	250448	19	Nguyễn Trà My	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.00	9.50		27.75
449	250449	19	Nguyễn Trần Hạ My	Nữ	15/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.25	9.25		26.50
450	250450	19	Tổng Hoàng Bảo My	Nữ	18/07/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tường	5.25	7.25	4.00		16.50
451	250451	19	Trần Thị Trà My	Nữ	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.75	7.75		23.75
452	250452	19	Trần Võ Hà My	Nữ	23/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	9.25	5.00		21.25
453	250453	19	Đỗ Châu Mỹ	Nữ	13/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.50	8.00	4.50		18.00
454	250454	19	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	9.00	5.75		18.25
455	250455	19	Đặng Hoàng Nam	Nam	30/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.75	8.50		25.75
456	250456	19	Đỗ Kỳ Nam	Nam	27/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	9.00	5.25		20.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
457	250457	20	Nguyễn Hải Nam	Nam	20/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.75	8.50	6.75		22.00
458	250458	20	Nguyễn Hoài Nam	Nam	11/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.75	6.00	4.50		16.25
459	250459	20	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	02/07/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.00	8.00	6.00		22.00
460	250460	20	Nguyễn Lê Bảo Nam	Nam	18/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.75	8.25		26.25
461	250461	20	Phạm Bảo Nam	Nam	18/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.75	8.75	7.25		23.75
462	250462	20	Võ Hoàng Nam	Nam	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	7.25	7.25		20.75
463	250463	20	Vũ Huy Nam	Nam	16/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.00	6.25	5.25		17.50
464	250464	20	Phan Nguyễn Hà Ny	Nữ	25/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.25	9.00		27.25
465	250465	20	Hồ Nguyễn Tuyết Nga	Nữ	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.75	6.75	4.75		16.25
466	250466	20	Phạm Hồng Mỹ Nga	Nữ	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.00	3.75		18.00
467	250467	20	Tăng Đặng Thanh Nga	Nữ	28/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.25	8.00	7.75	1.0	26.00
468	250468	20	Châu Kim Ngân	Nữ	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.75	7.75	7.25		21.75
469	250469	20	Đỗ Kim Ngân	Nữ	25/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.25	8.75	7.75		24.75
470	250470	20	Lê Kim Ngân	Nữ	19/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.00	8.25	8.25		24.50
471	250471	20	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	28/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.75	4.00	5.25		14.00
472	250472	20	Lê Thị Phương Ngân	Nữ	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.50	8.75	8.25		26.50
473	250473	20	Lê Thị Thúy Ngân	Nữ	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.25	8.50	6.25	1.0	23.00
474	250474	20	Mai Thanh Ngân	Nữ	19/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.25	6.75		22.50
475	250475	20	Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	09/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.00	5.75		24.00
476	250476	20	Tống Khánh Ngân	Nữ	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.50	8.00		25.25
477	250477	20	Trần Thị Thủy Ngân	Nữ	11/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.00	8.75	8.25		24.00
478	250478	20	Dương Tuyết Nghi	Nữ	14/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	9.00	7.25		20.50
479	250479	20	Ho Uyển Nghi	Nữ	25/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.00	9.25	1.0	27.00
480	250480	20	Lê Hồng Bảo Nghi	Nữ	05/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	10.00		27.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
481	250481	21	Nguyễn Phương Nghi	Nữ	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.75	7.00	5.75		17.50
482	250482	21	Nguyễn Võ Thanh Nghi	Nữ	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.00	5.50		19.00
483	250483	21	Nguyễn Xuân Nghi	Nữ	26/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.00	7.00	5.50		15.50
484	250484	21	Nguyễn Xuân Nghi	Nữ	07/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.25	7.25		20.00
485	250485	21	Trần Như Bảo Nghi	Nữ	28/04/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	2.00	4.25	2.00		8.25
486	250486	21	Huỳnh Văn Nghĩa	Nam	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	8.50	6.00		23.50
487	250487	21	Lê Trọng Nghĩa	Nam	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.50	5.00	5.50		16.00
488	250488	21	Nguyễn Hoàng Hiếu Nghĩa	Nam	27/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	7.50	9.50	8.25		25.25
489	250489	21	Thái Trọng Nghĩa	Nam	07/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	3.75	7.75	8.25		19.75
490	250490	21	Lê Khắc Nghiêm	Nam	22/04/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.50	9.50	8.25		26.25
491	250491	21	Lê Kim Ngoan	Nữ	06/07/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	7.00	7.25	7.75		22.00
492	250492	21	Đỗ Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	9.00	7.00		21.75
493	250493	21	Hồ Thị Bích Ngọc	Nữ	02/08/2010	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.25	5.50	4.75		15.50
494	250494	21	Huỳnh Khánh Ngọc	Nữ	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.00	7.50	5.50		16.00
495	250495	21	Huỳnh Như Ngọc	Nữ	06/09/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	7.00	8.50	4.75	0.0	20.25
496	250496	21	Lê Khánh Ngọc	Nữ	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	7.50	6.50		18.50
497	250497	21	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.00	7.50		22.25
498	250498	21	Lê Trần Bảo Ngọc	Nữ	23/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.25	8.00		21.75
499	250499	21	Ngô Dương Bảo Ngọc	Nữ	05/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.50	5.75		21.25
500	250500	21	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	26/04/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.75	8.50	8.25		23.50
501	250501	21	Nguyễn Bảo Kim Ngọc	Nữ	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	4.75	7.25	4.75		16.75
502	250502	21	Nguyễn Cao Như Ngọc	Nữ	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	8.00	7.25	9.00		24.25
503	250503	21	Nguyễn Hoài Như Ngọc	Nữ	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.75	8.50		24.25
504	250504	21	Nguyễn Nhâm Gia Ngọc	Nữ	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.25	7.75		24.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
		22	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	30/09/2010	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.25	6.50	1.0	24.25
505	250505	22	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	30/09/2010	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.25	6.50	1.0	24.25
506	250506	22	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	13/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	8.75	8.25		23.25
507	250507	22	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	9.00	8.00		23.50
508	250508	22	Nguyễn Trần Gia Ngọc	Nữ	04/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	9.25	8.00		23.75
509	250509	22	Nhan Ngọc	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	7.75	9.25	9.00		26.00
510	250510	22	Phạm Hoàng Nhất Ngọc	Nữ	04/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	3.25		17.00
511	250511	22	Phạm Hồng Ngọc	Nữ	10/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.50	8.50	8.00		22.00
512	250512	22	Phạm Thị Bảo Ngọc	Nữ	01/10/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.00	7.50	8.50		24.00
513	250513	22	Phan Lê Tuấn Ngọc	Nam	05/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.25	8.00		24.75
514	250514	22	Phan Thị Như Ngọc	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.50	8.50	6.75		22.75
515	250515	22	Thái Thị Hoàng Ngọc	Nữ	09/03/2011	Khơ-me	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	9.25	7.00	1.0	24.25
516	250516	22	Trần Khánh Ngọc	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.50	7.50	6.25		19.25
517	250517	22	Trần Nguyễn Thu Ngọc	Nữ	01/09/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	7.75	9.00	8.75		25.50
518	250518	22	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	5.25	7.00	7.75		20.00
519	250519	22	Trương Bảo Ngọc	Nữ	30/12/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	8.75	7.50		20.50
520	250520	22	Bùi Đình Nguyên	Nam	23/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	8.75	7.00		24.00
521	250521	22	Dương Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	20/10/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	6.75	3.75		15.00
522	250522	22	Hứa Thảo Nguyên	Nữ	24/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	9.00	9.00	7.25		25.25
523	250523	22	Lê Ngọc Khôi Nguyên	Nam	08/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	7.75	6.00	0.0	18.75
524	250524	22	Ngô Lan Thảo Nguyên	Nữ	11/12/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	3.50	8.75	7.75		20.00
525	250525	22	Nguyễn Phạm Phước Nguyên	Nữ	16/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	5.00	6.00		18.50
526	250526	22	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	18/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.25	9.25	7.50		24.00
527	250527	22	Phạm Nguyễn Hải Nguyên	Nam	29/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.00	9.25		27.00
528	250528	22	Trần Tuấn Nguyên	Nam	04/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	8.50	9.75		26.50



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
529	250529	23	Lê Nguyễn	Nam	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	3.00	6.25	5.25		14.50
530	250530	23	Lê Nguyễn	Nam	30/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	5.25	8.50		19.75
531	250531	23	Tô Nguyễn	Nam	04/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	6.75	7.75		19.00
532	250532	23	Võ Thành Nguyễn	Nam	03/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.75	9.00		25.75
533	250533	23	Ngô Ngọc Nguyễn	Nữ	09/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.00	8.00		24.75
534	250534	23	Võ Văn Trí Nguyễn	Nam	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	9.25	6.75		22.50
535	250535	23	Trương Thị Minh Nguyệt	Nữ	29/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.50	6.75		22.00
536	250536	23	Huỳnh Hoàng Nhã	Nam	22/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.50	7.75	5.25		17.50
537	250537	23	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	9.00	7.00		23.25
538	250538	23	Nguyễn Thành Nhân	Nam	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	2.00	8.00	6.00		16.00
539	250539	23	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	30/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	2.75	7.50	3.50		13.75
540	250540	23	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	26/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.25	8.50	6.25		19.00
541	250541	23	Nguyễn Trung Nhân	Nam	05/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.25	8.50	7.75		24.50
542	250542	23	Nguyễn Văn Thành Nhân	Nam	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	6.50	7.75		21.75
543	250543	23	Thái Thành Nhân	Nam	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.50	6.75		24.00
544	250544	23	Võ Trương Thiện Nhân	Nam	11/03/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.50	8.00	8.25		23.75
545	250545	23	Huỳnh Hà Ý Nhi	Nữ	30/10/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.25	8.00	9.00	1.0	26.25
546	250546	23	Lâm Thảo Nhi	Nữ	11/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.75	8.50	8.25		24.50
547	250547	23	Lâm Thị Ngọc Nhi	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.50	8.25	7.75		22.50
548	250548	23	Nguyễn An Nhi	Nữ	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.25	8.50	7.25		24.00
549	250549	23	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	13/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.75	8.25		24.25
550	250550	23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	11/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.00	6.25		24.00
551	250551	23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	14/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.75	8.25		24.00
552	250552	23	Nguyễn Thị Tố Nhi	Nữ	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	6.75	8.50	8.75		24.00



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
553	250553	24	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	31/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.75	8.75		25.50
554	250554	24	Trần Thị Phương Nhi	Nữ	26/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.00	9.25		27.50
555	250555	24	Trần Thị Út Nhi	Nữ	30/11/2011	Khơ-me	Trường THCS Tân Đức	7.25	6.50	7.50	1.0	22.25
556	250556	24	Võ Thị Yến Nhi	Nữ	14/04/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.50	8.00	8.25	1.0	26.75
557	250557	24	Dương Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.50	7.75	6.00		17.25
558	250558	24	Đỗ Hồng Nhung	Nữ	02/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	2.50	3.00		10.00
559	250559	24	Huỳnh Hồ Tuyết Nhung	Nữ	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.25	9.00	7.00		23.25
560	250560	24	Lưu Hồng Nhung	Nữ	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	9.25	6.75		23.75
561	250561	24	Nguyễn Phương Nhung	Nữ	14/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.50	6.25		23.25
562	250562	24	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.25	8.00	4.75		18.00
563	250563	24	Cao Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	22/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.75	7.00	7.50		20.25
564	250564	24	Huỳnh Quỳnh Như	Nữ	16/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.25	5.75		19.50
565	250565	24	Huỳnh Thị Thảo Như	Nữ	22/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	4.25	9.00	7.00		20.25
566	250566	24	Lê Huỳnh Như	Nữ	18/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	9.25	10.00		28.50
567	250567	24	Lê Huỳnh Tâm Như	Nữ	13/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.75	8.50	7.25		22.50
568	250568	24	Lý Bằng Như	Nữ	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.25	8.50	7.75		21.50
569	250569	24	Mu Đức Ái Như	Nữ	15/04/2011	Hoa	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.25	9.00	7.00	1.0	25.25
570	250570	24	Nguyễn Đoàn Quỳnh Như	Nữ	14/08/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.25	7.25	7.00		22.50
571	250571	24	Nguyễn Hoàng Như	Nữ	18/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.00	8.50		25.25
572	250572	24	Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	28/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	9.00	6.25		20.75
573	250573	24	Nguyễn Huỳnh Tâm Như	Nữ	27/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.75	8.25		25.75
574	250574	24	Nguyễn Mai Ngọc Như	Nữ	14/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.25	9.00		25.50
575	250575	24	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	Nữ	17/05/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	9.00	8.50	4.75		22.25
576	250576	24	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Nữ	03/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	9.25	5.75		19.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	9.00	4.50		17.50
577	250577	25	Nguyễn Quách Ngọc Như	Nữ	25/02/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	4.50	7.50	4.25		16.25
578	250578	25	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	28/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	8.00	6.50		18.00
579	250579	25	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	6.25	5.00		15.50
580	250580	25	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	26/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	7.25	7.75	6.00		21.00
581	250581	25	Võ Thị Quỳnh Như	Nữ	07/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	8.50	6.00		18.75
582	250582	25	Huỳnh Minh Nhựt	Nam	06/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.00	7.50	8.00		23.50
583	250583	25	Lê Hoàng Nhựt	Nam	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	8.50	5.50		22.00
584	250584	25	Đào Hồng Phát	Nam	14/10/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	8.00	9.00	8.75		25.75
585	250585	25	Huỳnh Thanh Phát	Nam	21/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.25	7.75		23.00
586	250586	25	Mai Tấn Phát	Nam	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	9.25	8.25	9.00		26.50
587	250587	25	Nguyễn Tấn Phát	Nam	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.25	9.00		25.50
588	250588	25	Nguyễn Thành Phát	Nam	25/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.50	4.75	7.00		19.25
589	250589	25	Nguyễn Trọng Phát	Nam	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	7.25	7.75		19.75
590	250590	25	Nguyễn Xuân Phát	Nam	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.00	8.25		22.75
591	250591	25	Phạm Lê Đại Phát	Nam	23/03/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.50	2.50	6.00		14.00
592	250592	25	Trần Tấn Phát	Nam	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.00	6.75	5.50		15.25
593	250593	25	Nguyễn Thái Ngọc Phấn	Nữ	30/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.00	7.75	6.25		22.00
594	250594	25	Lê Hoàng Phi	Nam	14/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	2.25	6.75	6.25		15.25
595	250595	25	Lê Nhật Phi	Nam	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.25	10.00		29.00
596	250596	25	Nguyễn Kỳ Phong	Nam	14/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.75	8.00		25.25
597	250597	25	Nguyễn Việt Phong	Nam	21/04/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	7.50	7.50	8.50		23.50
598	250598	25	Đào Ngọc Phú	Nam	16/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	4.50	7.25	7.75		19.50
599	250599	25	Lê Gia Phú	Nam	18/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	6.25	8.00		21.50
600	250600	25	Võ Trọng Phú	Nam	13/06/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Đức Hòa Thượng	6.50	6.75	8.25		21.50
601	250601	26	Cao Văn Thiên Phúc	Nam	28/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.75	9.25		25.25
602	250602	26	Huỳnh Ngân Phúc	Nữ	09/12/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	5.25	6.50	5.75		17.50
603	250603	26	Lâm Hoàn Phúc	Nam	22/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.00	5.75		20.25
604	250604	26	Lê Cao Phúc	Nam	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.75	8.25		24.50
605	250605	26	Nguyễn Gia Phúc	Nam	01/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.75	7.00	8.25		22.00
606	250606	26	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	14/07/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	5.50	6.75	4.50		16.75
607	250607	26	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	7.25	6.75		19.50
608	250608	26	Nguyễn Huỳnh Song Phúc	Nam	18/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	8.25	8.25		21.50
609	250609	26	Nguyễn Huỳnh Tấn Phúc	Nam	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.50	7.50		24.00
610	250610	26	Nguyễn Lê Phúc	Nam	04/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	6.75	7.50	1.0	20.25
611	250611	26	Nguyễn Lý Ngọc Phúc	Nữ	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.75	8.25		23.25
612	250612	26	Nguyễn Minh Phúc	Nam	22/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	4.75	5.50		17.75
613	250613	26	Phạm Huỳnh Hữu Phúc	Nam	09/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.75	8.25		24.75
614	250614	26	Phan Bùi Hồng Phúc	Nữ	24/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	9.00	6.25	1.0	21.75
615	250615	26	Quang Trần Phúc	Nam	13/10/2011	Hoa	Trường THCS Tân Đức	8.25	8.00	8.50		24.75
616	250616	26	Trương Huỳnh Diễm Phúc	Nữ	28/06/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	4.00	5.75	4.75		14.50
617	250617	26	Phạm Kim Yến Phụng	Nữ	20/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.75	9.25		26.75
618	250618	26	Tôn Thất Bách Phước	Nam	05/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	8.50	8.25		24.50
619	250619	26	Trương Thanh Phước	Nam	21/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.75	5.50	5.25		15.50
620	250620	26	Cao Kỳ Phương	Nữ	23/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	7.50	6.25		18.00
621	250621	26	Đặng Duy Phương	Nam	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	7.00	5.75		16.75
622	250622	26	Đặng Hoài Phương	Nam	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.50	6.00	8.25		19.75
623	250623	26	Hà Khánh Phương	Nam	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	6.50	6.50		18.75
624	250624	26	Hà Mai Phương	Nữ	29/01/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.50	8.75	9.25		25.50
625	250625	27	Huỳnh Hà Phương	Nữ	07/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	5.00	8.75	7.75		21.50
626	250626	27	Lê Ngọc Lan Phương	Nữ	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	6.50	8.00	6.00		20.50
627	250627	27	Nguyễn Hoàng Trúc Phương	Nữ	06/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.25	10.00		27.00
628	250628	27	Nguyễn Khánh Phương	Nam	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.75	8.00		23.25
629	250629	27	Nguyễn Mai Phương	Nữ	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.00	5.25		20.25
630	250630	27	Nguyễn Mỹ Phương	Nữ	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.50	4.50		19.75
631	250631	27	Nguyễn Nam Phương	Nữ	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.75	6.25		19.50
632	250632	27	Nguyễn Ngọc Lan Phương	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.75	8.50		24.00
633	250633	27	Nguyễn Ngọc Lan Phương	Nữ	22/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	7.50		21.25
634	250634	27	Nguyễn Ngọc Mai Phương	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	6.50	7.25		22.25
635	250635	27	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	02/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.00	7.25		23.75
636	250636	27	Nguyễn Võ Mai Phương	Nữ	01/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	7.00	5.50		20.75
637	250637	27	Nguyễn Vũ Phương	Nữ	06/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.00	8.25	4.50		17.75
638	250638	27	Phạm Hiền Khánh Phương	Nữ	13/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	8.50	9.25		22.75
639	250639	27	Tôn Nữ Linh Phương	Nữ	09/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	6.75	7.25		21.50
640	250640	27	Trần Khánh Phương	Nam	30/09/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.25	8.25	7.75		25.25
641	250641	27	Lê Trần Mỹ Phương	Nữ	26/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.50	8.25	6.00		18.75
642	250642	27	Mai Thị Hồng Phương	Nữ	12/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.00	6.00	5.75		18.75
643	250643	27	Võ Minh Quang	Nam	10/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	8.50	7.75		22.25
644	250644	27	Lê Ngọc Quanh	Nữ	16/04/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	5.75	6.75	5.75		18.25
645	250645	27	Đỗ Hoàng Quân	Nam	05/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.50	7.00		22.25
646	250646	27	Nguyễn Hoàng Minh Quân	Nam	02/08/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.25	7.75	8.75		24.75
647	250647	27	Nguyễn Minh Quân	Nam	05/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	6.00	4.25		16.25
648	250648	27	Nguyễn Minh Quân	Nam	15/06/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Tân Đức	6.75	9.00	8.75		24.50
649	250649	28	Nguyễn Nhan Thị Huệ Quân	Nữ	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	7.75	5.50		20.50
650	250650	28	Phạm Chí Quân	Nam	21/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	5.50	5.50		16.50
651	250651	28	Trần Minh Quân	Nam	26/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.75	8.00	5.75		21.50
652	250652	28	Nguyễn Hồng Quế	Nữ	17/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.00	8.25	7.75		22.00
653	250653	28	Trần Gia Quốc	Nam	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.25	5.50	4.75		16.50
654	250654	28	Võ Minh Quốc	Nam	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.50	5.25	9.00		20.75
655	250655	28	Nguyễn Thanh Quý	Nam	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.50	8.25		25.00
656	250656	28	Trương Trần Phú Quý	Nam	29/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.25	7.75	7.00		20.00
657	250657	28	Hà Nguyễn Tố Quyền	Nữ	15/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.25	7.75	5.25		20.25
658	250658	28	Nguyễn Phan Mỹ Quyền	Nữ	04/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	8.25	8.75	5.50		22.50
659	250659	28	Phạm Tiểu Quyền	Nữ	23/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	7.00	5.50		19.25
660	250660	28	Lê Như Quỳnh	Nữ	11/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.00	5.75		20.75
661	250661	28	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	22/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.00	6.50	9.00		23.50
662	250662	28	Nguyễn Phạm Xuân Quỳnh	Nữ	27/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	7.25	7.50	8.75		23.50
663	250663	28	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	09/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	4.75	6.00		16.00
664	250664	28	Võ Nguyễn Nhã Quỳnh	Nữ	26/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.25	7.75	7.50		24.50
665	250665	28	Nguyễn Thanh Sang	Nam	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	8.25	6.75		21.00
666	250666	28	Nguyễn Thị Hoa Sim	Nữ	01/06/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.00	6.75	6.25		20.00
667	250667	28	Hồ Vạn Tài	Nam	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	5.50	7.25	5.00		17.75
668	250668	28	Huỳnh Tấn Tài	Nam	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.25	8.75		26.25
669	250669	28	Lê Thành Tài	Nam	16/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	6.50	5.00		16.75
670	250670	28	Nguyễn Đức Tài	Nam	14/11/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.25	6.25	4.00		13.50
671	250671	28	Nguyễn Thành Tài	Nam	27/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	7.75	9.00		23.75
672	250672	28	Nguyễn Thanh Tấn Tài	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần					



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Thị Văn Tám	6.75	7.00	7.75		21.50
673	250673	29	Nhan Hữu Tài	Nam	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.75	6.75		22.50
674	250674	29	Phạm Ngọc Tài	Nam	09/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.25	8.50		25.25
675	250675	29	Huỳnh Duy Tâm	Nam	31/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.25	5.25	5.50		16.00
676	250676	29	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	27/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.50	8.25		25.75
677	250677	29	Huỳnh Nhật Tân	Nam	15/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	9.00	7.50		25.50
678	250678	29	Lê Minh Tân	Nam	15/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	3.50	6.00	6.25		15.75
679	250679	29	Lê Nguyễn Duy Tân	Nam	03/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.00	7.25	6.50		19.75
680	250680	29	Dương Thị Cẩm Tiên	Nữ	20/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	7.50	6.50		20.25
681	250681	29	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	Nữ	01/04/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	6.50	6.00	6.50		19.00
682	250682	29	Nguyễn Vũ Ngọc Tiên	Nữ	22/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.50	8.00		22.75
683	250683	29	Nguyễn Vũ Thuý Tiên	Nữ	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	2.00	6.25	2.25	1.0	11.50
684	250684	29	Trần Cẩm Tiên	Nữ	18/03/2011	Hoa	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.50	8.75	7.50		24.75
685	250685	29	Võ Thị Mỹ Tiên	Nữ	19/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	6.75	4.25		16.00
686	250686	29	Nguyễn Võ Kim Tiên	Nữ	14/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.00	7.50	7.50		23.00
687	250687	29	Dương Tiến	Nam	20/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.25	8.00	9.50		26.75
688	250688	29	Đặng Nhật Tiến	Nam	08/11/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	3.50	6.75	6.50		16.75
689	250689	29	Nguyễn Minh Tiến	Nam	15/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.25	9.50		26.25
690	250690	29	Nguyễn Trung Tiến	Nam	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	8.25	3.75		19.50
691	250691	29	Cao Đức Tín	Nam	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	8.25	7.75		24.25
692	250692	29	Lê Trần Trọng Tín	Nam	29/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	7.75	8.00		23.00
693	250693	29	Nguyễn Trung Tính	Nam	27/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	8.50	7.00		21.75
694	250694	29	Trần Phương Tính	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	8.00	6.75		21.75
695	250695	29	Ngô Quốc Toàn	Nam	18/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	2.50	7.25	5.75		15.50
696	250696	29	Nguyễn Minh Toàn	Nam	15/10/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
697	250697	30	Nguyễn Thái Toàn	Nam	13/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	8.75	6.75		22.50
698	250698	30	Phạm Hữu Toàn	Nam	16/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	6.75	6.50		19.50
699	250699	30	Trần Phước Toàn	Nam	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.00	5.75	7.50		19.25
700	250700	30	Cao Thanh Tú	Nữ	18/06/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	5.25	8.50	5.25		19.00
701	250701	30	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	06/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.25	6.25		21.50
702	250702	30	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	Nữ	19/02/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	6.50	8.25	5.50		20.25
703	250703	30	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	01/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	9.25	8.25		25.50
704	250704	30	Dương Huỳnh Thanh Tuấn	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	8.25		26.00
705	250705	30	Mai Huỳnh Anh Tuấn	Nam	21/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.50	7.50		23.00
706	250706	30	Nguyễn Dương Tuấn	Nam	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.50	8.25		23.50
707	250707	30	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.50	7.50	5.75		17.75
708	250708	30	Trương Thanh Tuấn	Nam	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.75	8.50	7.25		22.50
709	250709	30	Nguyễn Anh Tuệ	Nam	12/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	8.75	7.50		23.25
710	250710	30	Dương Thị Mộng Tuyền	Nữ	03/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.00	5.25	3.00		13.25
711	250711	30	Lê Sơn Tuyền	Nữ	29/06/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	8.25	7.50		23.50
712	250712	30	Lê Thị Thanh Tuyền	Nữ	07/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.75	8.50		24.50
713	250713	30	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.00	8.25		25.00
714	250714	30	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	15/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	8.00	8.25		24.50
715	250715	30	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Nữ	08/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.25	8.25	6.00		20.50
716	250716	30	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Nữ	21/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	4.75	7.75	5.75		18.25
717	250717	30	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.25	9.00	7.75		25.00
718	250718	30	Trương Thị Kim Tuyền	Nữ	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.50	8.25		24.00
719	250719	30	Trương Trần Ngân Tuyền	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.00	8.50		25.00
720	250720	30	Trần Ngọc Tuyết	Nữ	23/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	9.50	8.25	6.00		23.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
721	250721	31	Bùi Phước Tứ	Nam	13/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	8.50	7.00		20.25
722	250722	31	Lê Quân Tường	Nam	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.25	7.75	7.50		22.50
723	250723	31	Lưu Nguyễn Cát Tường	Nữ	03/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	9.00	8.00		24.25
724	250724	31	Nguyễn Mạnh Tường	Nam	28/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	6.50	6.50		22.00
725	250725	31	Phan Duy Tường	Nam	05/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	8.00	9.75		25.75
726	250726	31	Dương Hoàng Thái	Nam	25/07/2011	Khơ-me	Trường THCS Tân Đức	5.75	6.50	6.75	1.0	20.00
727	250727	31	Đỗ Quốc Thái	Nam	11/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	9.50	9.25	9.50		28.25
728	250728	31	Nguyễn Quốc Thái	Nam	19/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.50	9.25		27.00
729	250729	31	Đồng Yến Thanh	Nữ	27/02/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.00	8.50	6.75		24.25
730	250730	31	Lê Bùi Ngân Thanh	Nữ	08/02/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.75	9.00	7.75		26.50
731	250731	31	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	9.25	6.75		23.00
732	250732	31	Phan Đặng Mai Thanh	Nữ	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	6.00	8.75	6.50		21.25
733	250733	31	Trần Nguyễn Đan Thanh	Nữ	22/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.08	5.75		18.83
734	250734	31	Trần Quang Thanh	Nam	01/10/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.25	7.50	8.75		24.50
735	250735	31	Huỳnh Minh Thành	Nam	17/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	5.75	6.50	5.75	0.0	18.00
736	250736	31	Ngô Minh Thành	Nam	30/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.00	6.00	5.50		14.50
737	250737	31	Trương Bùi Phú Thành	Nam	28/09/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	8.00	7.25	8.25		23.50
738	250738	31	Văn Tiến Thành	Nam	04/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	7.75	7.50		22.25
739	250739	31	Võ Tấn Thành	Nam	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.75	8.25		23.75
740	250740	31	Huỳnh Ngọc Thảo	Nữ	30/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.75	6.25	3.00		13.00
741	250741	31	Lê Dạ Thảo	Nữ	29/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	6.75	7.25		21.50
742	250742	31	Lê Phương Thảo	Nữ	15/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	9.00	8.00		24.00
743	250743	31	Ngô Thị Ngọc Thảo	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	6.00	6.00	5.25		17.25
744	250744	31	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.75	8.50	8.00		26.25



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
745	250745	32	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.50	2.00		15.25
746	250746	32	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.00	4.75		19.25
747	250747	32	Phạm Huyền Diệu Thảo	Nữ	10/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.25	8.00	7.75		24.00
748	250748	32	Phan Thị Thanh Thảo	Nữ	30/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.25	7.25	7.75		21.25
749	250749	32	Trần Phương Thảo	Nữ	22/08/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	8.00	10.00		27.00
750	250750	32	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	11/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.50	7.25		22.25
751	250751	32	Trịnh Phương Thảo	Nữ	24/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.25	9.00	9.25		26.50
752	250752	32	Nguyễn Phạm Hồng Thắm	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	9.00	8.00		23.75
753	250753	32	Hồ Ngọc Thắng	Nam	05/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	8.75	8.25		21.25
754	250754	32	Hồ Quốc Thắng	Nam	27/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	5.50	8.25	5.00		18.75
755	250755	32	Lê Quý Thắng	Nam	06/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	6.00	7.25		21.00
756	250756	32	Phạm Toàn Thắng	Nam	02/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	8.00	4.75		18.00
757	250757	32	Bùi Thị Hoài Thi	Nữ	26/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.50	7.50	6.25		21.25
758	250758	32	Huỳnh Thị Mai Thi	Nữ	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	9.75	7.75	6.75		24.25
759	250759	32	Trần Lê Hạo Thiên	Nam	19/04/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	6.75	7.75	4.75		19.25
760	250760	32	Lê Chí Thiện	Nam	05/10/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.50	8.25	8.25		25.00
761	250761	32	Nguyễn Văn Minh Thiện	Nam	13/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.75	9.00	7.75		24.50
762	250762	32	Tô Hữu Thiện	Nam	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.50	7.00	9.00		23.50
763	250763	32	Đào Quốc Thịnh	Nam	27/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.00	8.25		22.75
764	250764	32	Đặng Nguyễn Trường Thịnh	Nam	18/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	7.75	7.50		19.75
765	250765	32	Mang Phước Thịnh	Nam	19/05/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.50	7.50	7.50		22.50
766	250766	32	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	27/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	6.75	6.25		17.25
767	250767	32	Nguyễn Tân Thịnh	Nam	29/03/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.50	8.25	8.50		25.25
768	250768	32	Thị Gia Thịnh	Nam	14/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	8.00	7.50		20.50
							Trường THCS Võ Văn Tần					



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.00	9.00		24.00
769	250769	33	Trương Khang Thịnh	Nam	10/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	6.00	5.75		17.75
770	250770	33	Thạch Nguyễn Phước Thọ	Nam	16/03/2011	Khơ-me	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.50	7.75	1.0	22.75
771	250771	33	Trần Đại Thọ	Nam	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.00	3.75		18.50
772	250772	33	Phạm Nguyễn Kim Thoa	Nữ	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.25	7.75	8.00		24.00
773	250773	33	Trần Kim Thoại	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	7.50	7.25		22.75
774	250774	33	Dương Hoàng Anh Thơ	Nữ	27/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	7.50	7.25		22.50
775	250775	33	Nguyễn Đức Thuận	Nam	07/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	8.00	9.25		27.00
776	250776	33	Trần Hiếu Thuận	Nam	03/02/2011	Kinh	Trường THCS Trương Minh Bạch	3.00	7.25	3.75		14.00
777	250777	33	Trần Ngọc Phương Thủy	Nữ	12/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.00	9.75		28.50
778	250778	33	Bùi Ngọc Phương Thùy	Nữ	22/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	8.50	8.00		23.00
779	250779	33	Huỳnh Ngọc Kim Thùy	Nữ	17/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	8.75	7.75		25.00
780	250780	33	Nguyễn Phương Thùy	Nữ	04/04/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.75	6.08	5.25		17.08
781	250781	33	Đào Thị Thủy	Nữ	20/10/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.50	8.00	6.00		18.50
782	250782	33	Hoàng Võ Thanh Thúy	Nữ	21/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	8.50	5.00		20.50
783	250783	33	Lê Nguyễn Phương Thúy	Nữ	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.75	7.50	5.00		18.25
784	250784	33	Võ Ngọc Nhã Thuýn	Nữ	31/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.83	6.75		22.08
785	250785	33	Bùi Ngọc Anh Thư	Nữ	28/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	6.75	8.25	8.75		23.75
786	250786	33	Cao Thị Minh Thư	Nữ	18/07/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	7.50	9.50	7.75		24.75
787	250787	33	Huỳnh Anh Thư	Nữ	24/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	9.00		22.75
788	250788	33	Huỳnh Ngọc Kim Thư	Nữ	24/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.00	7.75	7.00		20.75
789	250789	33	Lê Ngọc Anh Thư	Nữ	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.75	9.25	6.75		21.75
790	250790	33	Lê Thị Anh Thư	Nữ	23/06/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.75	8.00	8.25		25.00
791	250791	33	Nguyễn Hoàng Kiều Thư	Nữ	20/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	5.50	5.00		14.00
792	250792	33	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	Nữ	15/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám					



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
793	250793	34	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.75	7.25		22.25
794	250794	34	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	06/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	2.25	7.25	5.00		14.50
795	250795	34	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	02/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.75	7.00	4.75		16.50
796	250796	34	Nguyễn Vũ Huyền Thư	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.75	7.50	5.25		21.50
797	250797	34	Phạm Thị Minh Thư	Nữ	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.25	6.00	5.75		17.00
798	250798	34	Phan Thị Minh Thư	Nữ	12/03/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	4.00	8.25	7.25		19.50
799	250799	34	Trần Minh Thư	Nữ	15/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	8.00	7.75		24.00
800	250800	34	Võ Ngọc An Thư	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	7.25	7.50		20.00
801	250801	34	Trần Thị Thanh Thương	Nữ	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	8.25	8.50		23.75
802	250802	34	Võ Hoài Thương	Nam	12/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	7.75	8.00		22.75
803	250803	34	Huỳnh Thy	Nữ	19/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.75	7.50		22.75
804	250804	34	Ngô Bảo Thy	Nữ	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.50	7.75	5.00		18.25
805	250805	34	Nguyễn Thị Hoài Thy	Nữ	08/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	7.00	7.50		20.00
806	250806	34	Võ Hoàng Bảo Thy	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.50	8.25	8.25		24.00
807	250807	34	Võ Ngọc An Thy	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	7.50	8.00		20.50
808	250808	34	Võ Thị Mai Thy	Nữ	28/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	9.50	9.00		26.25
809	250809	34	Lê Thị Phương Trà	Nữ	07/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.50	8.00		23.25
810	250810	34	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	12/06/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.75	6.75	3.25		16.75
811	250811	34	Diệp Kiều Trang	Nữ	23/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	3.75	5.50	3.50		12.75
812	250812	34	Đào Nguyễn Uyên Trang	Nữ	04/09/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.75	8.50	8.25		24.50
813	250813	34	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.50	8.00	7.50		21.00
814	250814	34	Nguyễn Kim Ngọc Trang	Nữ	22/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	8.50	7.50		23.25
815	250815	34	Nguyễn Minh Trang	Nữ	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.25	8.75	5.50		20.50
816	250816	34	Nguyễn Ngọc Phương Trang	Nữ	05/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thắm	8.00	8.25	8.00		24.25
							Trường THCS Võ Văn Tần					



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
817	250817	35	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	Nữ	12/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	9.00	8.75		25.00
818	250818	35	Võ Khánh Trang	Nữ	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.75	8.00	6.25		19.00
819	250819	35	Đặng Thị Thùy Trâm	Nữ	19/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	9.00	9.00	8.25		26.25
820	250820	35	Huỳnh Ngọc Trâm	Nữ	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.25	8.75	6.25		21.25
821	250821	35	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.25	8.50	6.25		21.00
822	250822	35	Phan Ngọc Thùy Trâm	Nữ	12/01/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.75	7.50	6.25		19.50
823	250823	35	Đỗ Nguyễn Bảo Trân	Nữ	10/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.75	8.00		23.25
824	250824	35	Đỗ Thị Quyền Trân	Nữ	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	8.00	6.75		21.25
825	250825	35	Giảng Hoàng Bảo Trân	Nữ	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.25	8.75	9.25		26.25
826	250826	35	Huỳnh Ngọc Quế Trân	Nữ	12/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.25	8.50		26.75
827	250827	35	Lê Hoài Bảo Trân	Nữ	12/01/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	6.00	7.50	7.25		20.75
828	250828	35	Lê Ngọc Trân	Nữ	20/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.25	6.00		22.00
829	250829	35	Lê Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	02/09/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.50	8.00	7.50		22.00
830	250830	35	Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	23/05/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	6.75	8.00	6.50		21.25
831	250831	35	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	29/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.25	10.00		26.25
832	250832	35	Phạm Huyền Trân	Nữ	29/12/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.75	8.00	5.25		19.00
833	250833	35	Phạm Nguyễn Bảo Trân	Nữ	05/06/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	6.25	7.00	7.75		21.00
834	250834	35	Phạm Quỳnh Bảo Trân	Nữ	15/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	7.50	7.75		23.00
835	250835	35	Phan Lê Ngọc Trân	Nữ	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.00	6.00	5.50		16.50
836	250836	35	Phan Ngọc Bảo Trân	Nữ	17/05/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	6.25	6.75	3.50		16.50
837	250837	35	Võ Thị Huyền Trân	Nữ	24/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.75	6.00		20.50
838	250838	35	Lê Hữu Trí	Nam	10/02/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.25	8.25	8.25		25.75
839	250839	35	Mai Quốc Trí	Nam	05/01/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.75	5.50	7.75		21.00
840	250840	35	Nguyễn Đức Trí	Nam	25/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.50	6.00		21.50
					26/04/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
841	250841	36	Nguyễn Minh Trí	Nam	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.00	8.00	5.50		21.50
842	250842	36	Nguyễn Trọng Trí	Nam	23/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	3.50	6.50	2.75		12.75
843	250843	36	Vương Tuấn Trí	Nam	02/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.50	7.50	6.25	1.0	21.25
844	250844	36	Nguyễn Huỳnh Minh Triều	Nam	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.50	7.25		23.00
845	250845	36	Nguyễn Huỳnh Quốc Triều	Nam	27/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	7.00	8.00	7.75		22.75
846	250846	36	Nguyễn Khánh Triều	Nam	06/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.00	9.00		24.75
847	250847	36	Trần Minh Triều	Nam	06/07/2010	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.00	8.75	7.25		23.00
848	250848	36	Lê Thị Tuyết Trinh	Nữ	06/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	7.00	8.75	6.25		22.00
849	250849	36	Tô Diễm Trinh	Nữ	26/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.50	8.50	5.00		17.00
850	250850	36	Huỳnh Anh Trọng	Nam	26/12/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	6.75	7.00	7.00		20.75
851	250851	36	Lê Nguyễn Tự Trọng	Nam	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.50	6.25	5.25		15.00
852	250852	36	Nguyễn Hữu Trọng	Nam	06/04/2010	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.50	4.00		17.00
853	250853	36	Nguyễn Minh Trọng	Nam	12/12/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	9.25	8.75	9.25		27.25
854	250854	36	Nguyễn Xuân Trọng	Nam	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.25	7.50	6.00		21.75
855	250855	36	Thạch Thanh Trọng	Nam	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.00	8.75	9.25		27.00
856	250856	36	Dương Thị Thanh Trúc	Nữ	30/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.25	8.00	8.25		24.50
857	250857	36	Lê Ngọc Thanh Trúc	Nữ	11/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	8.50	7.50		24.75
858	250858	36	Lê Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	16/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.00	9.00	7.75		24.75
859	250859	36	Nguyễn Kiều Thanh Trúc	Nữ	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	7.25	5.75		19.75
860	250860	36	Nguyễn Nhã Trúc	Nữ	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.00	8.00	8.25		24.25
861	250861	36	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	28/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	7.50	6.00		18.25
862	250862	36	Phan Trần Huyền Trúc	Nữ	20/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	8.25	5.00		18.50
863	250863	36	Trần Ngọc Thanh Trúc	Nữ	13/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.25	7.00		20.75
864	250864	36	Trần Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.25	8.50	5.25		19.00



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
865	250865	37	Huỳnh Thanh Trung	Nam	30/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	8.25	6.25		18.25
866	250866	37	Nguyễn Minh Quang Trung	Nam	26/04/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.00	8.00	5.75		22.75
867	250867	37	Nguyễn Thành Trung	Nam	21/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.75	6.00	9.00		21.75
868	250868	37	Nguyễn Quốc Trường	Nam	10/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.50	9.25	9.00		27.75
869	250869	37	Nguyễn Xuân Trường	Nam	21/07/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	9.50	9.00	6.50		25.00
870	250870	37	Đào Nhật Uyên	Nữ	24/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.50	7.25	6.25		20.00
871	250871	37	Mai Nhã Uyên	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	4.75	9.25	6.50		20.50
872	250872	37	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	Nữ	26/02/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	8.25	8.25	9.50		26.00
873	250873	37	Phạm Thanh Uyên	Nữ	08/08/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	8.75	5.50		20.75
874	250874	37	Nguyễn Thị Kim Vàng	Nữ	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.25	7.75	5.50		19.50
875	250875	37	Võ Tấn Vàng	Nam	27/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	2.00	5.25	2.25		9.50
876	250876	37	Đào Khánh Vân	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.50	8.50	6.00		22.00
877	250877	37	Nguyễn Ngọc Tường Vân	Nữ	29/11/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.50	8.75	6.75		22.00
878	250878	37	Trần Thị Cẩm Vân	Nữ	28/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	7.50	7.75		21.00
879	250879	37	Phạm Ngọc Ái Vi	Nữ	14/03/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tưởng	3.25	8.50	3.00		14.75
880	250880	37	Ngô Văn Vĩ	Nam	25/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	6.50	5.50		17.00
881	250881	37	Nguyễn Tuấn Vĩ	Nam	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	4.50	8.50	6.25		19.25
882	250882	37	Đặng Hoàng Việt	Nam	11/11/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thực Tân Tạo	8.25	7.25	8.00		23.50
883	250883	37	Lâm Thế Vinh	Nam	05/07/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.75	8.75	9.50		28.00
884	250884	37	Ngô Công Vinh	Nam	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.00	7.75		22.00
885	250885	37	Trần Thế Vinh	Nam	22/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	4.00	6.25	5.25		15.50
886	250886	37	Phan Chí Vĩnh	Nam	26/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.50	9.00		28.25
887	250887	37	Đỗ Hoài Vũ	Nam	29/03/2011	Kinh	Trường TH-THCS Mỹ Hạnh Nam	9.25	8.25	8.00		25.50
888	250888	37	Thạch Vũ	Nam	09/09/2011	Khơ-me	Trường THCS Tân Đức	4.50	5.25	6.00	1.0	16.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
889	250889	38	Dương Thế Vương	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.75	2.50	3.00		12.25
890	250890	38	Nguyễn Huỳnh Quốc Vương	Nam	27/08/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tường	7.00	8.50	7.75		23.25
891	250891	38	Bùi Hải Vy	Nữ	30/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.00	8.00	8.00		23.00
892	250892	38	Dương Tường Vy	Nữ	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.75	8.50	7.25		24.50
893	250893	38	Đàm Thanh Vy	Nữ	17/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.75	4.75		18.00
894	250894	38	Đặng Hoàng Phương Vy	Nữ	17/04/2011	Kinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo	8.50	9.25	7.25		25.00
895	250895	38	Đặng Thị Ngọc Vy	Nữ	16/11/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	7.00	9.25	7.75		24.00
896	250896	38	Đỗ Minh Vy	Nữ	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	9.75	9.25	8.25		27.25
897	250897	38	Hồ Thanh Tường Vy	Nữ	12/05/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.50	8.25	6.50		21.25
898	250898	38	Huỳnh Ngọc Phương Vy	Nữ	27/01/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	10.00	9.25	6.25		25.50
899	250899	38	Huỳnh Ngọc Thảo Vy	Nữ	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	9.25	6.25		20.25
900	250900	38	Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Nữ	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.00	8.50		26.50
901	250901	38	Huỳnh Thảo Vy	Nữ	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Đức Hòa Thượng	3.50	6.50	4.75		14.75
902	250902	38	Huỳnh Thị Ngọc Vy	Nữ	15/09/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	6.50	9.00	8.25		23.75
903	250903	38	Lê Ngọc Thảo Vy	Nữ	18/10/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	8.75	8.75	8.00		25.50
904	250904	38	Lê Triệu Vy	Nữ	19/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	4.00	5.25	6.25		15.50
905	250905	38	Lê Yến Vy	Nữ	08/06/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	6.75	8.75	5.75		21.25
906	250906	38	Mai Dương Phương Vy	Nữ	30/11/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	9.00	9.00	8.25		26.25
907	250907	38	Ngô Minh Tường Vy	Nữ	29/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.75	9.25	8.75		27.75
908	250908	38	Nguyễn Hoàng Vy	Nữ	16/01/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.25	9.00	8.25		26.50
909	250909	38	Nguyễn Huỳnh Ái Vy	Nữ	17/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	9.25	8.75	9.25		27.25
910	250910	38	Nguyễn Ngọc Vy	Nữ	21/09/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.75	8.75	4.50		21.00
911	250911	38	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	Nữ	09/12/2011	Kinh	Trường THCS Thi Văn Tám	7.00	8.50	3.75		19.25
912	250912	38	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Nữ	09/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.75	8.00	8.00		22.75



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.75	6.50		21.50
913	250913	39	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Nữ	09/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.00	9.25	8.00		21.25
914	250914	39	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	6.75	9.50	7.50		23.75
915	250915	39	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	29/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.25	7.25	3.50		17.00
916	250916	39	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	Nữ	25/12/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.50	8.75	8.00		22.25
917	250917	39	Nguyễn Thanh Vy	Nữ	03/04/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.25	8.00	6.75		22.00
918	250918	39	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	08/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	9.25	7.50		21.25
919	250919	39	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	05/05/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	6.25	8.75	8.50		23.50
920	250920	39	Nguyễn Thị Ngọc Vy	Nữ	26/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.50	9.50	9.00		27.00
921	250921	39	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	01/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	8.25	7.00		21.50
922	250922	39	Phạm Nguyễn Ngọc Vy	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	7.00	7.50		18.75
923	250923	39	Phan Kim Tường Vy	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.75	9.25	8.00		26.00
924	250924	39	Sơn Ngọc Khánh Vy	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	4.50	7.00	3.00		14.50
925	250925	39	Tô Ngọc Tường Vy	Nữ	23/08/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.00	9.00	6.25	1.0	21.25
926	250926	39	Trần Lê Vy	Nữ	27/02/2011	Hoa	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.00	9.25	8.25		26.50
927	250927	39	Trần Ngọc Phương Vy	Nữ	14/09/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.25	9.25	8.25		24.75
928	250928	39	Trần Tường Vy	Nữ	31/10/2011	Kinh	Trường THCS Lê Quang Thẩm	9.25	9.00	9.00		27.25
929	250929	39	Trần Thị Nhã Vy	Nữ	10/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	3.75	6.00	8.00		17.75
930	250930	39	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	8.50	8.00	7.75		24.25
931	250931	39	Trịnh Ngọc Phương Vy	Nữ	03/07/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.75	7.00		23.50
932	250932	39	Trương Hoàng Bảo Vy	Nữ	30/04/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.00	8.75	7.25		22.00
933	250933	39	Trương Huỳnh Thảo Vy	Nữ	07/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.50	8.00	6.00		18.50
934	250934	39	Trương Thanh Vy	Nữ	04/07/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	9.00	9.25	7.25		25.50
935	250935	39	Võ Ngọc Khánh Vy	Nữ	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	7.75	8.25		24.00
936	250936	39	Nguyễn Chí Vỹ	Nam	22/04/2011	Kinh						



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
							Trường THCS Võ Văn Tần	3.25	7.50	5.00		15.75
937	250937	40	Đỗ Thị Thanh Xuân	Nữ	01/06/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.50	6.50	6.50		18.50
938	250938	40	Đặng Thị Mỹ Xuyên	Nữ	07/12/2010	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.75	9.00	6.75		24.50
939	250939	40	Dương Hoàng Như Ý	Nữ	27/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	4.25	6.25	7.00		17.50
940	250940	40	Lê Hoàng Thiên Ý	Nữ	29/01/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	8.50	8.50	6.75		23.75
941	250941	40	Lê Nguyễn Hoàng Như Ý	Nữ	15/07/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.50	8.25	5.00		18.75
942	250942	40	Lê Thị Như Ý	Nữ	05/06/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.25	7.50	8.00		20.75
943	250943	40	Lê Trần Như Ý	Nữ	23/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	6.25	7.50	6.50		20.25
944	250944	40	Nguyễn Gia Như Ý	Nữ	04/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.50	7.00	6.50		21.00
945	250945	40	Nguyễn Huỳnh Như Ý	Nữ	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	5.75	7.75	6.75		20.25
946	250946	40	Nguyễn Ngọc Như Ý	Nữ	04/10/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	7.75	8.75	6.75		23.25
947	250947	40	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	30/03/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	5.25	7.75	7.00		20.00
948	250948	40	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	26/03/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	9.00	9.00	8.50		26.50
949	250949	40	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	12/05/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần					



Điểm thi Tuyển sinh 10 Năm học 2026_2027
Trường THPT ĐỨC HÒA

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường cũ	Ngoại ngữ 1	Ngữ văn	Toán	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
950	250950	41	Trương Nguyễn Như Ý	Nữ	14/03/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	7.00	6.75	7.75		21.50
951	250951	41	Huỳnh Bảo Yến	Nữ	03/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	8.00	5.50		21.50
952	250952	41	Lê Huỳnh Yến	Nữ	22/11/2011	Kinh	Trường THCS Thị Văn Tám	9.75	9.00	8.00		26.75
953	250953	41	Lê Ngọc Yến	Nữ	16/04/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	5.75	8.00	6.75		20.50
954	250954	41	Lê Ngọc Yến	Nữ	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.25	5.75	3.25		13.25
955	250955	41	Lê Trần Ngọc Yến	Nữ	17/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	5.50	8.25	7.50		21.25
956	250956	41	Ngô Thị Hải Yến	Nữ	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	8.00	9.25	8.25		25.50
957	250957	41	Nguyễn Lâm Ngọc Yến	Nữ	30/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	6.25	7.50	4.50		18.25
958	250958	41	Trần Hải Yến	Nữ	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	9.75	8.25	9.25		27.25
959	250959	41	Trần Hồng Yến	Nữ	20/11/2011	Kinh	Trường THCS Võ Văn Tần	4.75	7.00	8.50		20.25
960	250960	41	Trương Kim Yến	Nữ	08/09/2011	Kinh	Trường THCS Mỹ Hạnh	8.00	9.00	6.25		23.25
961	250961	41	Võ Hà Phi Yến	Nữ	04/07/2011	Kinh	Trường THCS Tân Đức	3.75	6.00	5.25		15.00